

Số: 216 /BC-UBND

Kbang, ngày 08 tháng 7 năm 2020

BÁO CÁO

Tiến độ giải ngân vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư trên địa bàn huyện đến ngày 30/06/2020

Thực hiện Thông báo số 39/TB-HĐND ngày 26/5/2020 của HĐND huyện về Thông báo kết luận Hội nghị liên tịch thống nhất nội dung, chương trình kỳ họp thứ Mười một-HĐND huyện khóa VII (nhiệm kỳ 2016-2020); Ủy ban nhân dân huyện Kbang báo cáo cụ thể như sau:

I. Tình hình thực hiện:

Tổng vốn đầu tư công năm 2020: 126.716 triệu đồng; trong đó:

- Giao cho UBND các xã, thị trấn làm chủ đầu tư: 51.221 triệu đồng.
- Giao cho các cơ quan chuyên môn của huyện làm chủ đầu tư: 75.495 triệu đồng.
- + Vốn đầu tư: 55.038 triệu đồng.
- + Vốn sự nghiệp: 20.457 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

II. Tiến độ thực hiện đến 30/06/2020: Khối lượng thực hiện 60.359 tr.đ/126.716 tr.đ, đạt 47,6% KH vốn; giải ngân 39.286 tr.đ/126.716 tr.đ, đạt 31,0% KH vốn. Hiện giá trị giải ngân đạt theo yêu cầu của UBND tỉnh giao (30%).

1. Đối với nguồn vốn đầu tư ngân sách TW, ngân sách tỉnh, ngân sách huyện đã triển khai thi công, thanh toán tạm ứng giải ngân đảm bảo theo tiến độ quy định.

2. Đối với nguồn vốn sự nghiệp (nguồn chính trang đô thị, Sự nghiệp Môi trường, Sự nghiệp Giao thông, Hộ trợ phát triển đất trồng lúa, Tăng cường cơ sở vật chất giáo dục, Sự nghiệp kinh tế, Sự nghiệp thủy lợi, Kiến thiết thị chính), đang hoàn thành việc lựa chọn nhà thầu.

III. Giải pháp thực hiện 06 tháng cuối năm.

1. Về thủ tục đầu tư và đẩy nhanh tiến độ:

- Trong tháng 6/2020 hoàn chỉnh thủ tục các công trình, dự án bổ sung nguồn vốn đầu tư, tổ chức đấu thầu xây lắp các công trình còn lại theo đúng quy định của pháp luật; đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình.

- Chỉ đạo các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ, đến 30/09/2020 giải ngân trên 60% KH vốn theo yêu cầu của UBND tỉnh, đến 31/12/2020 thi công hoàn thành hành và giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn.

2. Về công tác giám sát dự án:

- Các chủ đầu tư, đơn vị thực hiện, tăng cường hơn nữa khâu giám sát kỹ thuật chất lượng thi công công trình, thực hiện đúng quy định pháp luật khâu giám sát kỹ thuật chất lượng thi công công trình theo NĐ46/CP của Chính phủ. Ngoài hợp đồng tư vấn giám sát thi công công trình, BQL dự án tăng cường cán bộ kỹ thuật phối hợp với Ban giám sát công trình các xã, thị trấn, trong việc giám sát thường xuyên và giám sát cộng đồng theo Nghị định 84/2015/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngay từ bước đầu

và trong quá trình xây dựng công trình, đặc biệt chú trọng khâu nghiệm thu phần khuất (Đào, đắp, lấp đặt cốt thép), kiểm tra các loại vật liệu trước khi đưa vào xây lắp công trình (Sắt, xi măng, gạch, cát, đá, sỏi).

- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn củng cố kiện toàn Ban giám sát công đồng theo Nghị định 84/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Phân công cụ thể trách nhiệm cá nhân tham gia giám sát, thực hiện công khai dân chủ về đầu tư XD CB trên địa bàn xã, thị trấn nhất là các công trình thuộc nguồn vốn CTMTQG, vốn giao thông nông thôn.....vốn có sự đóng góp của nhân dân.

Các chủ đầu tư đôn đốc các Doanh nghiệp được giao thầu thi công công trình ở địa bàn vùng sâu, vùng xã, tranh thủ lúc thời tiết thuận lợi (trong quý III), tập trung huy động nhân lực thi công hoàn thành đưa vào sử dụng trước mùa mưa năm 2020.

3. Công tác giải ngân vốn và quyết toán công trình:

- Đảm bảo thủ tục giải ngân vốn và thanh toán vốn công trình đúng thời gian quy định, nhằm tạo điều kiện cho các đơn vị thi công đẩy nhanh tiến độ công trình. Công trình nào hoàn thành phối hợp nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư. Đồng thời thực hiện công tác bảo hành, bảo trì công trình theo đúng quy định.

Đặc biệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về XD NTM các xã phải tích cực triển khai thi công, nghiệm thu khối lượng, giải ngân vốn trước 31/12/2020 theo đúng quy định.

- Thực hiện quyết toán vốn, thẩm định phê duyệt quyết toán đảm bảo quy định.

Trên đây là báo cáo Tiến độ giải ngân vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư trên địa bàn huyện đến ngày 30/06/2020 của huyện.///

Nơi nhận:

- HĐND huyện;
- TT UBND huyện;
- Các DB HĐND huyện;
- Phòng TC-KH;
- Lưu VT, VP, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH



Võ Văn Phán

(Kèm theo báo cáo số: 24/BC-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2020)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt BCKTKT	TMBT	Kế hoạch vốn bố trí năm 2020	Khối lượng thực hiện đến ngày 30/6/2020	Giải ngân đến ngày 30/6/2020	Tỷ lệ khối lượng thực hiện (%)	Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú
	Tổng cộng											
A	Công trình do UBND xã, Thị trấn làm chủ đầu tư											
I	Chương trình 135			2.020								
	Vốn ngân sách TW											
1	XÃ KON PNE											
	Đường ra khu sản xuất Đắk Hlang (Đoạn nối tiếp) Xã Kon Pne		Cấp phối đá dăm, hệ thống thoát nước	2020	40/QĐ-UBND - 14/04/2020	777,0	777,0	396,3		51,0	-	
2	XÃ ĐẮK SMAR											
	Trường PTDT bán trú TH&THCS Đăk Smar; Nhà học chuyên môn		Nhà cấp III, DTXD 200m2	2020	39a/QĐ-UBND - 14/04/2020	777,0	777,0	396,3	357,6	51,0	46,0	
3	XÃ KÔNG BỜ LA											
	Đường ra khu sản xuất tập trung Thôn 3 Xã Kông Bờ La		mặt đường BTXM Bm=3,0m, dãi 2x4 M250, dày 20cm, L=1,5km, hệ thống thoát nước	2019	225/QĐ-UBND - 15/11/2019	971,0	971,0	495,2	956,2	51,0	98,5	
4	XÃ KÔNG											
	Đường ra khu sản xuất làng Kiéch (Làng ADrong cũ) xã Krong		L=2km, hệ thống thoát nước BTXM đoạn xung yếu	2020	16/QĐ-UBND - 14/04/2020	1.165,0	1.165,0	594,2	530,6	51,0	45,5	
5	XÃ KÔNG LONG KHONG											
	Đường nội thôn Hbang Xã Kông Long Khong		Cấp phối nền đường rộng 5,0m, L= 1582 m; mặt đường BTXM dãi 2x4, M250, Bm=3,0m, đoạn xung yếu, dày 20cm. Hệ thống thoát nước	2020	92/QĐ-UBND - 13/04/2020	180,0	180,0	91,8	50,0	51,0	27,8	
	Đường nội Làng Mơ Tôn Xã Kông Long Khong		Bm=5m, mặt đường BTXM, dãi 2x4 M250, Bm=3,0m, L=374m, dày 18cm. Hệ thống thoát nước.	2020	91/QĐ-UBND - 13/04/2020	375,0	375,0	191,3	104,0	51,0	27,7	
	Đường nội làng Bờ Ngải Xã Kông Long Khong		Bm=5,0m, BTXM, dãi 2x4 M250, Bm=3,0m dày 18cm, l=188m. Hệ thống thoát nước.	2020	90/QĐ-UBND - 13/04/2020	610,0	610,0	311,1	165,0	51,0	27,0	
6	XÃ ĐẮK RONG											
	Đường BTXM nội làng Kon Bông 1 cũ Xã Đăk Rong		Đường BTXM M250, nền rộng 5m, mặt rộng 3m, dày 0,18m, l=978,86 và hệ thống thoát nước	2020	62/QĐ-UBND - 13/04/2020	1.165,0	1.165,0	594,2	562,1	51,0	48,3	
7	XÃ LƠ KU											
	Đường vào khu sản xuất làng Chọc xã Lơ ku		Nền đường rộng 0,5m, mặt đường BTXM 3,0m, dãi 2x4 M250, dày 20cm, hệ thống thoát nước L=614,34m	2020	114/QĐ-UBND - 13/04/2020	840,0	840,0	428,4	389,7	51,0	46,4	
	Đường ra khu sản xuất làng Lơ vì xã Lơ Ku		Nền đường rộng 5m, mặt đường BTXM 3m, dãi 2x4 M250, dày 20cm, hệ thống thoát nước L=200m	2020	115/QĐ-UBND - 13/04/2020	325,0	325,0	165,8		51,0	-	
8	XÃ NGHĨA AN											
						400,0	400,0	204,0		51,0	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt BCKTKT	TMBĐT	Kế hoạch vốn bố trí năm 2020	Khối lượng thực hiện đến ngày 22/6/2020	Giải ngân đến ngày 22/6/2020	Tỷ lệ khối lượng thực hiện (%)	Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú
	Không thực hiện (CV: 130/UBND-KT ngày 18/2/20)			2020		400,0	400,0	204,0		51,0	-	
9	XÃ ĐÔNG Không thực hiện (CV: 130/UBND-KT ngày 18/2/20)			2020		800,0	800,0	408,0		51,0	-	
10	XÃ SƠN LANG Đường ra khu sản xuất tập trung Ddawsk Phan (Hà Lâm) xã Sơn Lang		L=646m (BTXM, rộng 3m)	2020	90/QĐ-UBND - 14/04/2020	800,0	800,0	408,0		51,0	-	
11	XÃ TƠ TÙNG Đường vào khu sản xuất làng Đăk Pơ Kao (Tòng Tùng) xã Tơ Tung		Bm=5,0m, mặt đường BTXM đã 2x4 M250, Bm=3,0m, dày 20cm	2020	53/QĐ-UBND - 13/04/2020	210,1	210,1	107,1		51,0	-	
	Đường làng Leng 2 đi khu sản xuất; Xã Tơ Tung		Bm=5,0m, mặt đường BTXM đã 2x4 M200, Bm=3,0m, dày 18cm	2020	51/QĐ-UBND - 13/04/2020	397,2	397,2	202,6		51,0	-	
	Đường nội làng Đăm Khương (Làng Đăm) xã Tơ Tung		Bm=5,0m, mặt đường BTXM đã 2x4 M250, Bm=3,0m, dày 20cm	2020	52/QĐ-UBND - 13/04/2020	192,7	192,7	98,3		51,0	-	
12	XÃ SƠ PAI Đường nội làng Kung (Thôn 5) xã Sơ Pai		L=500m, Bm=5m, Bm=3m, BTXM, dày 18cm, l=474,15m và hệ thống thoát nước.	2020	38/QĐ-UBND - 14/04/2020	600,0	600,0	306,0		51,0	-	
13	XÃ ĐÀK HLO Không thực hiện (CV: 130/UBND-KT ngày 18/2/20)			2020		200,0	200,0	102,0		51,0	-	
14	THỊ TRẦN Nhà văn hóa làng Chreh Thị trấn Kbang		Bm=5,0m, mặt đường BTXM M250, Bm=3,0 L=203,95m	2020	62/QĐ-UBND - 13/04/2020	420,0	420,0	214,2		51,0	-	
	Đường nội làng Hợp Thị trấn Kbang		Bm=5,0m, mặt đường BTXM M250, Bm=3,0 L=72m	2020	63/QĐ-UBND - 13/04/2020	187,4	187,4	95,6		51,0	-	
	Đường nội làng HTăng Thị trấn Kbang		Khuong BTCT, tương xây, gạch, sân vữa, mái lợp tôn, DTXD 90m2, công tường rào trụ bê tông, lưới B40	2020	64/QĐ-UBND - 13/04/2020	192,6	192,6	98,2		51,0	-	
b	<u>Nguồn vốn NS Tỉnh hỗ trợ</u>					1.159,0	1.159,0	719,0	172,4	62,0	14,9	
1	XÃ ĐÀK RONG Đường BTXM nội làng Kon Lanh 1 cũ: Xã Đăk Rong		Đường BTXM M250, nền rộng 5m, mặt rộng 3m, dày 0,18m, l=134,63m và hệ thống thoát nước	2020	61/QĐ-UBND - 13/04/2020	131,3	131,3	131,3		100,0	-	
	Đường BTXM nội làng Kon Bông 1 cũ: Xã Đăk Rong		Đường BTXM M250, nền rộng 5m, mặt rộng 3m, dày 0,18m, l=101,5m và hệ thống thoát nước	2020	62/QĐ-UBND - 13/04/2020	39,0	39,0	39,0		100,0	-	
	Đường BTXM nội làng Kon Von 1: Xã Đăk Rong		Đường BTXM M250, nền rộng 5m, mặt rộng 3m, dày 0,18m, l=245m và hệ thống thoát nước	2020	65/QĐ-UBND - 13/04/2020	173,8	173,8	173,8		100,0	-	
	Đường BTXM nội làng Kon Trang 2 cũ: Xã Đăk Rong		Đường BTXM M250, nền rộng 5m, mặt rộng 3m, dày 0,18m, l=978,86 và hệ thống thoát nước	2020	63/QĐ-UBND - 13/04/2020	375,0	375,0	375,0	172,4	100,0	46,0	
9	XÃ ĐÔNG					440,0	440,0			-	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt BCKTKT	TMDT	Kế hoạch vốn bố trí năm 2020	Khối lượng thực hiện đến ngày 22/6/2020	Giải ngân đến ngày 22/6/2020	Tỷ lệ khối lượng thực hiện (%)	Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú
	Không thực hiện (CV: 130/UBND-KT ngày 18/2/20)			2020		440,0	440,0			-	-	
II	Chương trình MTM					36.771,0	36.771,0	18.753,2	12.706,6	51,0	34,6	
	XÃ NGHĨA AN					520,0	520,0	265,2	-	51,0	-	
	Đường nội đồng ra khu sản xuất thôn 5 (từ nhà Ông Văn đi khu sản xuất) Xã Nghĩa An		San gạt, đắp đất cấp phối nền đường, công thoát nước, L= 0,75km	2019	QĐ-UBND -	15,0	15,0	7,7	-	51,0	-	
	Đường nội đồng ra khu sản xuất làng Lọk (Đoạn ra khu nghĩa trang xã) Xã Nghĩa An		San gạt, đắp đất cấp phối nền đường, công thoát nước, L= 0,9km	2020		170,0	170,0	86,7	-	51,0	-	
	Đường ra khu sản xuất nội thôn 3 (Đoạn nhà bà Oanh ra khu sản xuất) Xã Nghĩa An		San gạt, đắp đất cấp phối nền đường, công thoát nước, L= 0,8km	2020		170,0	170,0	86,7	-	51,0	-	
	Đường ra khu sản xuất nội thôn 3 (Đoạn nhà ông Nguyễn ra khu sản xuất) Xã Nghĩa An		San gạt, đắp đất cấp phối nền đường, công thoát nước, L= 0,8km	2020		165,0	165,0		-	51,0	-	
	XÃ KRONG					4.300,0	4.300,0	2.193,0	2.073,2	51,0	48,2	
	Đường đi khu SX tập trung làng Sing, Hro Xã Krong		Cấp phối đá dăm, L= 5,5 km, hệ thống thoát nước	2020	19/QĐ-UBND - (16/4/20)	2.800,0	2.800,0	1.680,0	1.347,7	60,0	48,1	
	Nhà văn hoá xã Xã Krong		Xây mới (250m2) và các hạng mục phụ, thiết chế văn hóa	2020	20/QĐ-UBND - (16/4/20)	1.500,0	1.500,0	765,0	725,5	51,0	48,4	
	XÃ ĐẮK RONG					4.440,0	4.440,0	2.264,4	1.018,5	51,0	22,9	
	Đường từ làng Kon Lanh Te đi làng Kon Bông, làng Kon Trang Xã Đăk Rong		L=2,3 Km, Bm=5,0m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250, Bm=3,0, dày 20 cm và TH thoát nước	2019	QĐ-UBND -	1.018,5	1.018,5	519,4	1.018,5	51,0	100,0	
	Đường từ ngã ba làng Kon Bông 2 đi làng Kon Trang 1 Xã Đăk Rong		L=2,3 Km, Bm=5,0m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250, Bm=3,0, dày 20 cm và TH thoát nước	2020		3.421,5	3.421,5	2.052,9	-	60,0	-	
	XÃ ĐÔNG					380,0	380,0	193,8	-	51,0	-	
	Đường ra khu sản xuất tập trung Dốc Ngựa Xã Đông		L=0,4 Km, Bm=5,0m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250, Bm=3,0, dày 20 cm, hệ thống thoát nước	2020	264/QĐ-UBND - 24/10/2019	380,0	380,0	193,8	-	51,0	-	
	XÃ KÔNG LONG KHÔNG					4.560,0	4.560,0	2.325,6	783,0	51,0	17,2	
	Đường nội làng Kđầu: Ngã 3 gốc Đa đến nhà bà Ngọc. Xã Kông Long Không		Bm=5,0m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250, Bm=3,0; L=300m, dày 18 cm. Hệ thống thoát nước.	2020	101/QĐ-UBND - 14/4/2020	330,0	330,0	168,3	123,0	51,0	37,3	
	Đường nội làng Kgiang: Tuyến từ Ngã 3 nhà Ô Đình Xanh đến cuối đường Xã Kông Long Không		Bm=5,0m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250, Bm=3,0; L=170m, dày 18 cm. Hệ thống thoát nước	2020	102/QĐ-UBND - 14/4/2020	200,0	200,0	102,0	-	51,0	-	
	Đường nội làng Mơ Hven (từ nhà bà Xoer đến nhà ông Glich) Xã Kông Long Không		Bm=5,0m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250, Bm=3,0; L=150m, dày 18 cm. Hệ thống thoát nước	2020	103/QĐ-UBND - 14/4/2020	170,0	170,0	86,7	63,0	51,0	37,1	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt BCKTKT	TMBĐT	Kế hoạch vốn bố trí năm 2020	Khối lượng thực hiện đến ngày 22/6/2020	Giải ngân đến ngày 22/6/2020	Tỷ lệ khối lượng thực hiện (%)	Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú
	Đường nội đồng làng Kgiang: tuyến từ nhà Ông Thuận đến suối là Xã Kông Long		Bn=5,0m; cấp phối: L=3000m, hệ thống thoát nước	2020	104/QĐ-UBND - 14/4/2020	300,0	300,0	153,0	-	51,0	-	
	Đường nội đồng làng Mothen: tuyến từ nhà Ông Don đến rẫy ông Pióp Xã Kông Long		Bn=5,0m; cấp phối: L=1500m, hệ thống thoát nước	2020	105/QĐ-UBND - 14/4/2020	300,0	300,0	153,0	107,0	51,0	35,7	
	Đường nội đồng làng Dong: tuyến từ đường bê tông cuối làng đến hết khu sản xuất Xã Kông Long		Bn=5,0m; cấp phối: L=2000m, hệ thống thoát nước	2020	106/QĐ-UBND - 14/4/2020	300,0	300,0	153,0	-	51,0	-	
	Đường nội đồng làng Mơ Tôn: tuyến từ cầu đến suối Tơ Tung Xã Kông Long		Bn=5,0m; cấp phối: L=2000m, hệ thống thoát nước	2020	107/QĐ-UBND - 14/4/2020	300,0	300,0	153,0	-	51,0	-	
	Đường nội đồng làng Mơ Hra: tuyến từ rẫy ông Tân đến khu sản xuất Xã Kông Long		Bn=5,0m; cấp phối: L=3000m, hệ thống thoát nước	2020	108/QĐ-UBND - 14/4/2020	350,0	350,0	178,5	-	51,0	-	
	Đường nội đồng làng Chu Pâu: tuyến Hết BTKM (nghĩa địa) đến khu sản xuất Xã Kông Long		Bn=5,0m; cấp phối: L=1200m, hệ thống thoát nước	2020	109/QĐ-UBND - 14/4/2020	300,0	300,0	153,0	81,0	51,0	27,0	
	Đường nội đồng làng Kgiang: tuyến nhà Ông Gét ra khu sản xuất Xã Kông Long		Bn=5,0m; cấp phối: L=3000m, hệ thống thoát nước	2020	110/QĐ-UBND - 14/4/2020	400,0	400,0	204,0	-	51,0	-	
	Đường nội đồng làng Kgiang: tuyến từ nhà ông Dang đến rẫy ông Kheinh Xã Kông Long		Bn=5,0m; cấp phối: L=1300m, hệ thống thoát nước	2020	111/QĐ-UBND - 14/4/2020	100,0	100,0	51,0	26,0	51,0	26,0	
	Đường nội đồng làng Dong: tuyến từ nhà ông Jút đến khu sản xuất Xã Kông Long		Bn=5,0m; cấp phối: L=2000m, hệ thống thoát nước	2020	112/QĐ-UBND - 14/4/2020	250,0	250,0	127,5	67,0	51,0	26,8	
	Đường nội đồng làng Ôr: tuyến từ rẫy ông Mơ đến khu sản xuất Xã Kông Long		Bn=5,0m; cấp phối: L=2600m, hệ thống thoát nước	2020	113/QĐ-UBND - 14/4/2020	260,0	260,0	132,6	94,0	51,0	36,2	
	Đường nội đồng làng Đấp: tuyến từ cuối đường bê tông đến Đập Guga Xã Kông Long		Bn=5,0m; cấp phối: L=2000m, hệ thống thoát nước	2020	114/QĐ-UBND - 14/4/2020	200,0	200,0	102,0	-	51,0	-	
	Đường nội đồng làng Bơ Ngai từ rẫy ông Thái đến rẫy ông Trương Xã Kông Long		Bn=5,0m; cấp phối: L=500m, hệ thống thoát nước	2020	115/QĐ-UBND - 14/4/2020	200,0	200,0	102,0	-	51,0	-	
	Nhà văn hóa làng Kgiang Xã Kông Long		Làm mới nhà rộng văn hóa: thay sân gỗ, vách thưng, lợp lại ngói, mở rộng thêm 2 gian và các hạng mục nhà sinh hoạt cộng đồng DT= 100m2. Thiết chế văn hóa	2020	99/QĐ-UBND - 14/4/2020	600,0	600,0	306,0	222,0	51,0	37,0	
	XÃ TƠ TUNG					256,0	256,0	130,6	256,0	51,0	100,0	
	Đường vào khu sản xuất tập trung làng Đồng Tân Xã Tơ Tung		L=0,9 Km, nền cấp phối và hệ thống thoát nước	2019	177/QĐ-UBND - 28/6/19	256,0	256,0	130,6	256,0	51,0	100,0	
	XÃ LƠ KU				Page 4	4.540,0	4.540,0	2.315,4	2.190,1	51,0	48,2	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt ECKTXX	TMDT	Kế hoạch vốn bố trí năm 2020	Khối lượng thực hiện đến ngày 22/6/2020	Giải ngân đến ngày 22/6/2020	Tỷ lệ khối lượng thực hiện (%)	Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú
	Đường nội làng (04 tuyến), L=1046m (Làng Bón, Làng Lọt, Nội thôn 2, Đường từ trường TH dân tộc BT Lơ Ku đi sân vận động xã) Xã Lơ Ku		L=1046m, Bn=5m, Bm=3m, BTXM mác 250, dày 18cm, hệ thống thoát nước	2020	116/QĐ-UBND - 15/4/20	1.500,0	1.300,0	663,0	633,4	51,0	48,7	
	Đường khu sản xuất thôn 2 (khu vực bãi cát) Xã Lơ Ku		L=1,4 Km, Bn=5m, Bm=3m, BTXM mác 250, dày 20 cm, và hệ thống thoát nước	2020	117/QĐ-UBND - 15/4/20	2.030,0	2.030,0	1.035,3	971,6	51,0	47,9	
	Đường khu sản xuất thôn 2 (khu vực dốc đầu đù) Xã Lơ Ku		L=3 Km, Bn=5m, Bm=3m, cấp phối, BTXM đơn xung yếu và hệ thống thoát nước	2020	118/QĐ-UBND - 15/4/20	1.210,0	1.210,0	617,1	585,1	51,0	48,4	
	XÃ ĐẮK SMAR					5.990,0	5.990,0	3.034,9	2.985,6	51,0	49,8	
	Đường ra khu sản xuất tập trung làng Krói (đoạn nối qua đập tràn) Xã Đắc Smar		L=2 Km, Bn=5m, Bm=3m, BTXM mác 250, dày 18cm và hệ thống thoát nước	2019	41a/QĐ-UBND - 20/6/19	100,0	100,0	51,0	-	51,0	-	
	Đường từ làng Đak Krung về trung tâm xã Xã Đắc Smar		L=2,1 Km, Bn=5m, Bm=3,5m, BTXM mác 250, dày 20 cm, bố trí thép truyền lực	2020	44/QĐ-UBND - 16/4/20	3.150,0	3.150,0	2.047,5	1.630,1	65,0	51,7	
	Nâng cấp, cải tạo hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung làng Cam, Đak Krung Xã Đắc Smar		Nâng cấp đầu nguồn, đầu nối đường ống từ làng Cam về làng Đak Krung	2020	46/QĐ-UBND - 16/4/20	740,0	740,0	377,4	384,2	51,0	51,9	
	Đường ra khu sản xuất tập trung làng Cam + Thôn 2 (đoạn tiếp giáp đường liên xã đi Sơ Pài) Xã Đắc Smar		L=2,53 Km, Bn=5m, Bm=3m, BTXM mác 250, dày 18cm và hệ thống thoát nước	2020	42/QĐ-UBND - 16/4/20	2.000,0	2.000,0	1.300,0	971,3	65,0	48,6	
	XÃ KON PNE					6.260,0	6.260,0	3.192,6	1.137,7	51,0	18,2	
	Đường ra khu sản xuất tập trung Đak Hlang Xã Kon Pne		Đường cấp phối đá dăm L=2.000m và hệ thống thoát nước	2020	48/QĐ-UBND - 14/4/20	1.000,0	1.000,0	510,0	487,4	51,0	48,7	
	Kiến cổ kênh thủy lợi Đak Lơ Nhang Xã Kon Pne		L=400m, bề tổng kênh	2020	44/QĐ-UBND - 14/4/20	400,0	400,0	204,0	-	51,0	-	
	Kiến cổ kênh thủy lợi Đak Hlim Xã Kon Pne		L=400m, bề tổng kênh và cống lấy nước	2020	45/QĐ-UBND - 14/4/20	600,0	600,0	306,0	-	51,0	-	
	Kiến cổ kênh thủy lợi Đak Tơ Kát Xã Kon Pne		kênh BTXM cốt thép, kích thước 30x50cm, dày 10cm, dài 500 m	2020	47/QĐ-UBND - 14/4/20	500,0	500,0	255,0	-	51,0	-	
	Kiến cổ kênh thủy lợi Đak Tơ Pốt Xã Kon Pne		kênh BTXM cốt thép, kích thước 30x50cm, dày 10cm, dài 800 m	2020	46/QĐ-UBND - 14/4/20	800,0	800,0	408,0	-	51,0	-	
	Xây mới nhà văn hóa làng Kon Ktonh Xã Kon Pne		Diện tích 150m2 và các hạng mục phụ khác, trang thiết bị	2020	168c/QĐ-UBND - 23/12/19	700,0	700,0	357,0	-	51,0	-	
	Xây mới nhà văn hóa làng Kon Kring Xã Kon Pne		Diện tích 150m2 và các hạng mục phụ khác, trang thiết bị	2020	42/QĐ-UBND - 14/4/20	700,0	700,0	357,0	350,3	51,0	50,0	
	Trạm phát thanh xã và điểm phục vụ bưu chính Xã Kon Pne		Trang thiết bị, hệ thống loa	2020	43/QĐ-UBND - 14/4/20	300,0	300,0	153,0	300,0	51,0	100,0	
	Hệ thống nước tự chảy khu dân cư Đak Lơ Nhang Xã Kon Pne		Đập ngăn nước, bể chứa, bể lắng và hệ thống	2020	49/QĐ-UBND - 15/4/20	400,0	400,0	204,0	-	51,0	-	
	Phòng chức năng Trường Mẫu giáo xã Kon Pne Xã Kon Pne		Nhà cấp 4, diện tích xây dựng 160m2	2020	41/QĐ-UBND - 14/4/20	860,0	860,0	438,6	-	51,0	-	
	XÃ KÔNG BỒ LA					5.090,0	5.090,0	2.595,9	2.262,5	51,0	44,5	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt BCKTKT	TMDT	Kế hoạch vốn bố trí năm 2020	Khối lượng thực hiện đến ngày 22/6/2020	Giải ngân đến ngày 22/6/2020	Tỷ lệ khối lượng thực hiện (%)	Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú
	Đường nội thôn Tuchanh (từ nhà ông Phiến đi thành an) Xã Kông Bơ La		Mặt đường BTXM Bm=3,0m, đá 2*4 M250, dày 18 cm, L=0,35 km, HT thoát nước	2020	73/QĐ-UBND - 16/4/20	420,0	420,0	214,2	199,8	51,0	47,6	
	Đường nội làng Klôm từ nhà ông Tom đến nhà bà Ngời Xã Kông Bơ La		Mặt đường BTXM, Bm=3,0m, đá 2*4 M250, dày 18 cm, L=0,65km, HT thoát nước	2020	74/QĐ-UBND - 16/4/20	730,0	730,0	372,3	352,1	51,0	48,2	
	Đường ra khu sản xuất làng Mườn Xã Kông Bơ La		Công thoát nước 100x100, L=7m và hệ thống thoát nước	2020	75/QĐ-UBND - 16/4/20	150,0	150,0	76,5	73,7	51,0	49,1	
	Đường nội làng Groi (Từ nhà ông Lim đến trại ông Bút) Xã Kông Bơ La		Nền đường rộng 5,5m, mặt đường BTXM 3m đá 2*4 M250 dày 18 cm, L=0,4 km, HT thoát nước	2020	72/QĐ-UBND - 16/4/20	450,0	450,0	229,5	213,8	51,0	47,5	
	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông trục xã (đoạn UBND xã) Xã Kông Bơ La		Mặt đường BTXM, Bm=5,5m (Mở rộng mặt 2m, mặt đường cũ 3,5m), dày 20cm, đá 2*4 M250, hệ thống thoát nước, L=0,8 km, HT thoát nước	2020	66/QĐ-UBND - 06/4/20	2.050,0	2.050,0	1.045,5	792,5	51,0	38,7	
	Đường nội làng Lợt (Nhà ông Hây đến nhà ông lúc) Xã Kông Bơ La		Mặt đường BTXM, Bm=5m, Bm=3,0m, đá 2*4 M250, dày 18 cm, L=0,7km	2020	76/QĐ-UBND - 16/4/20	840,0	840,0	428,4	405,3	51,0	48,2	
	Nhà rông làng Klôm Xã Kông Bơ La		Xây dựng mới nhà rông làng Klôm DT 100m2 và trang thiết bị	2020	71/QĐ-UBND - 15/4/20	450,0	450,0	229,5	225,4	51,0	50,1	
	XÃ ĐẮK HLO					435,0	435,0	221,9	-	51,0	-	
	Đường trục xã (từ ngã 3 Dừng Hắt thôn 4 nối đường liên huyện) Xã Đắc Hlơ		L=543m, Bn=5m, Bm=3,0m, BTXM M250, dày 18 cm,	2020		435,0	435,0	435,0	-	100,0	-	
III	Vốn số xổ kiến thiết hỗ trợ Chương trình MTM			2.020		706,0	706,0	141,2		20,0	-	
IV	Vốn tình hỗ trợ XD nông thôn mới (tiết kiệm qua đầu thầu)					1.000,0	1.000,0	500,0	-	50,0	-	-
I	Đầu tư mới Hội trường xã Đông (nhà văn hóa cũ giao lại cho trường Mẫu giáo xã Đông, nhằm an toàn giao thông khu vực đường 669 vị trí Trường TH, Mẫu Giáo)	Xã Đông	Nhà cấp IV, 01 tầng, DTXD 200m2	2020		1.000,0	1.000,0	500,0		50,0	-	
B	Vốn do các cơ quan huyện làm chủ đầu tư					181.700,0	75.495,0	33.246,0	23.292,0	44,0	30,9	
I	Vốn đầu tư					161.243,0	55.038,0	30.446,0	22.016,0	55,3	40,0	
a	Vốn ngân sách tỉnh					59.500,0	8.665,0	7.265,0	4.972,0	83,8	57,4	
1	Đường nội thị trấn	TT Khang		2016-2020		55.000,0	4.265,0	4.265,0	3.272,0	100,0	76,7	
2	Trường THCS K.Bơ La	Xã K.B La		2019-2020		4.500,0	4.400,0	3.000,0	1.700,0	68,2	38,6	
b	Ngân sách huyện					101.743,0	46.373,0	23.181,0	17.044,0	50,0	36,8	
	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung (cả kết dư năm 2019)					75.311,0	19.941,0	13.450,0	9.447,0	67,4	47,4	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian (tháng)	Quyết định phê duyệt BCKTTC	TMDT	Kế hoạch vốn bố trí năm 2020	Khối lượng thực hiện đến ngày 22/6/2020	Giải ngân đến ngày 22/6/2020	Tỷ lệ khối lượng thực hiện (%)	Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú
1	Đường Y Wuu, thị trấn Khang	TT Khang	Bổ sung mặt đường BTXM; L=347m; Bm=10,5m bằng BTXM đá 2x4 M2.50 dày 20cm	2020	QĐ số 347/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	2.000,0	1.650,0	1.650,0	1.559,0	100,0	94,5	
2	Nâng cấp đường Võ Thị Sáu (đoạn Lê Quý Đôn-Trần Bình Trọng)	TT Khang	L=817m; Bp=16,0m; Bm=10,5m bằng BTN dày 07cm và công trình thoát nước	2020	QĐ số 356/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	7.000,0	7.000,0	4.000,0	4.383,0	57,1	62,6	
3	Trường Tiểu học và THCS xã ĐăkHlơ	Xã Đăk Hlơ	Nhà học 6 phòng 2 tầng DTXD =336m ² -thiết bị	2020	QĐ số 355/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	2.800,0	2.170,0	1.500,0	859,0	69,1	39,6	
4	Trường TH Lý Tự Trọng	TT Khang	Cấp III, Nhà chức năng 4 phòng, 2 tầng + thiết bị	2020	QĐ số 354/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	2.200,0	1.980,0	1.200,0	873,0	60,6	44,1	
5	Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Krong	Xã Krong	Nhà học 6 phòng 2 tầng DTXD + thiết bị	2020	QĐ số 353/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	2.800,0	2.170,0	1.500,0	923,0	69,1	42,5	
6	Sửa chữa Trụ sở UBND huyện, Hội trường 19-5	TT Khang	Sơn lại hàng rào, sửa sân bê tông, sửa chứa một số hàng mục phụ	2020		500,0	500,0	250,0		50,0	-	
7	Trả nợ Kê chống sạt lở Suối Đăk Lốp	TT Khang		2019-2020		35.000,0	2.400,0	2.400,0		100,0	-	
8	Bổ trí vốn trả nợ công trình Hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn Khang	TT Khang		2014-2016		21.961,0	1.021,0	850,0	850,0	83,3	83,3	
	Cải tạo nâng cấp, chỉnh trang khuôn viên sau bến xe cũ của huyện	TT Khang		2020		500,0	500,0	50,0		10,0	-	
	Hệ thống điện 2 bên bờ kè Suối Đăk Lốp, thị trấn Khang	TT Khang		2020		550,0	550,0	50,0		9,1	-	
	Nguồn sử dụng đất					13.639,0	13.639,0	4.215,0	2.743,0	30,9	20,1	
1	Nâng cấp đường Trần Hưng Đạo (Đoạn Ngõ Mây-Võ Thị Sáu)	TT Khang	L=583 m, mặt đường bê tông nhựa rộng B=10,5m; bô vỉa bằng đá Bazan dày L=1050m; lát vỉa hè bằng gạch Block, kích thước (40x40x3) cm.	2020	QĐ số 357/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	6.075,0	6.075,0	3.200,0	2.529,0	52,7	41,6	

11/1

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt BCKTKT	TMBĐT	Kế hoạch vốn bố trí năm 2020	Khối lượng thực hiện đến ngày 22/6/2020	Giải ngân đến ngày 22/6/2020	Tỷ lệ khối lượng thực hiện (%)	Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú
2	Đo đạc cấp giấy CNQSD đất (diện tích đất các Cty Lâm nghiệp tỉnh giao về cho huyện quản lý)	TT Khang		2020		3.329,0	3.329,0			-	-	Chưa triển khai
3	Nâng cấp, mở rộng đường Hai Bà Trưng	TT Khang	L=195m, Bm=14,0 (10,5)m, BTKM, cải tạo hệ thống thoát nước	2020		1.300,0	1.300,0	200,0		15,4	-	
4	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Du-Yên (đoạn Ngõ Mây-Lê Thánh Tông)	TT Khang	L=158m, Mở rộng mặt đường Bm=10,5m (mặt cũ B=5,5m), BTKM, cải tạo hệ thống thoát nước	2020		515,0	515,0	515,0	214,0	100,0	41,6	
5	Đầu tư mặt đường bê tông Kè Suối Đắc Lấp (từ đường Q.Trung dân đường Trảnh Đông)	TT Khang	L=700m, Bm=10,5 BTKM, (đầu tư giải đoạn 1 mặt đường 5,5m -3,5m), chỉ giới xây dựng từ 20m, hệ thống thoát nước	2020		2.420,0	2.420,0	300,0		12,4	-	
	Nguồn kết dư năm 2019 chuyển sang					12.793,0	12.793,0	5.516,0	4.854,0	43,1	37,9	
a	Vốn tính hỗ trợ XD nông thôn mới (tiết kiệm qua đầu thầu)					3.033,0	3.033,0	200,0	-	6,6	-	
1	Mở rộng đường xã Sơ Pài (đoạn trung tâm xã)	Xã Sơ Pài	L=600m, Bm=10,5, BTKM đá 2x4 M250 dày 20cm, Công thoát nước 8cải/65m	2020		3.033,0	3.033,0	200,0		6,6	-	
b	Nguồn kết dư ngân sách					9.760,0	9.760,0	5.316,0	4.854,0	54,5	49,7	
*	Giao đầu năm					8.210,0	8.210,0	5.166,0	4.854,0	62,9	59,1	
1	Sửa chữa Nhà truyền thống - thư viện huyện	TT Khang	Sơn sửa, thay mái tôn, trần nhà	2020		310,0	310,0	310,0	198,0	100,0	63,9	
2	Trường TH Trạm Lệp	Xã Sơn Lang	Nhà học 04 phòng	2020		1.900,0	1.900,0	200,0		10,5	-	
3	Đường tuần tra nội bộ khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng	Xã Sơn Lang		2020		6.000,0	6.000,0	4.656,0	4.656,0	77,6	77,6	
*	Giao bổ sung					1.550,0	1.550,0	150,0	-	9,7	-	
1	Đường bê tông xi măng phía tây bờ kè Đắc Lấp thị trấn Khang	TT Khang	L=500m	2020		1.050,0	1.050,0	50,0		4,8	-	
2	Đường tuần tra nội bộ khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng	Sơn Lang		2020		500,0	500,0	100,0		20,0	-	
II	Vốn sự nghiệp					20.457,0	20.457,0	2.800,0	1.276,0	13,7	6,2	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt BCKTKT	TMDT	Kế hoạch vốn bố trí năm 2020	Khối lượng thực hiện đến ngày 22/6/2020	Giải ngân đến ngày 22/6/2020	Tỷ lệ khối lượng thực hiện (%)	Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú
1	Chính trang đô thị					1.325,0	1.325,0	500,0	-	37,7	-	
-	Sửa chữa, nâng cấp vỉa hè đường Lê Văn Tám (đoạn Q.Trung-B.T.Xuân)	TT Kbang		2020		1.325,0	1.325,0	500,0		37,7	-	
2	Sự nghiệp Môi trường					5.133,0	5.133,0	500,0		9,7	-	
-	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng bãi rác thải, nhà chứa rác và lò đốt rác thôn 10, xã Đông	Xã Đông		2020		5.133,0	5.133,0	500,0		9,7	-	
3	Sự nghiệp Giao thông					4.000,0	4.000,0	200,0		5,0	-	
-	Duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng các tuyến đường do huyện quản lý	Toàn huyện		2020		4.000,0	4.000,0	200,0		5,0	-	
4	Hỗ trợ phát triển đất trồng lúa					1.849,0	1.849,0	200,0	642,0	10,8	34,7	
-	Công trình thủy lợi Đê Bar	Xã Tư Tung	Kênh BTCT L=27,5m; đá lát khan, công lấy nước	2020		1.849,0	1.849,0	200,0	642,0	10,8	34,7	
5	Tăng cường cơ sở vật chất giáo dục	Toàn huyện		2020		2.070,0	2.070,0			-	-	
6	Sự nghiệp kinh tế					3.000,0	3.000,0	1.000,0	634,0	33,3	21,1	
-	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống đường ống nước sạch thị trấn	TT Kbang	Thay thế mạng đường ống	2020		3.000,0	3.000,0	1.000,0	634,0	33,3	21,1	
7	Sự nghiệp thủy lợi					1.580,0	1.580,0	100,0	-	6,3	-	
-	Sửa chữa, nâng cấp kênh thủy lợi Đắc Phan	Xã S. Lang	Nâng cấp kênh	2020		1.580,0	1.580,0	100,0		6,3	-	
8	Kiến thiết thị chính					1.500,0	1.500,0	300,0	-	20,0	-	
-	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng thị trấn Kbang	TT Kbang	6km đường điện chiếu sáng các tuyến P.Đ. Phùng, Trinch Đông, Dốc Khảo sát	2020		1.500,0	1.500,0	300,0		20,0	-	

